

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Văn Tân

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Xuân H, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Chu Văn H1 – Luật sư Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, tòa N, ngõ A, phố T, phường N, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1 - Luật sư của Chi nhánh văn phòng L6 tại Hải Phòng, thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Thôn C, xã K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Quốc P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Ngô Bá N, sinh năm 1939; địa chỉ cư trú: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Anh Ngô Đăng L2, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Anh Ngô Đăng S, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Vũ Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Vũ Duy C, sinh năm 1976 và chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1976; cùng địa chỉ cư trú: Đ, phường L, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/6/2024 và các lời khai trong hồ sơ, nguyên đơn anh Ngô Xuân H trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Vũ Thị L thời gian năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh). Nói chung vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, anh xin ly hôn chị Vũ Thị L.

- Về con chung: Có hai con chung là cháu Ngô Mai P1, sinh ngày 15/9/2009 và cháu Ngô Trí Đ, sinh ngày 13/10/2013. Hiện nay, cả hai cháu đang do chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Trí Đ, đồng ý để chị L nuôi dưỡng cháu Ngô Mai P1 cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi, trên cơ sở nguyện vọng của các cháu. Anh không yêu cầu chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con. Về công việc, anh hiện làm nghề lái tàu, có thu nhập trung bình khoảng 14-15 triệu đồng mỗi tháng, tại phiên tòa anh bổ sung thu nhập trung bình khoảng 15-20 triệu đồng mỗi tháng. Thời gian làm việc không cố định, phụ thuộc vào lịch gọi của chủ tàu, trung bình anh đi lái tàu khoảng 5-10 ngày mỗi tháng, thời gian còn lại anh ở nhà. Kể từ khi vợ chồng ly thân, anh đang sinh sống trên tàu nơi làm việc, thỉnh thoảng về Quảng Ninh thăm bố. Ngoài nghề lái tàu,

anh không làm công việc khác. Anh xác nhận cả hai vợ chồng đều đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt.

- Về tài sản, công nợ:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, anh Ngô Xuân H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là: Diện tích đất 200 m² cùng một ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất, thuộc thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng). Tài sản này có nguồn gốc là vợ chồng anh chị nhận chuyển nhượng ngày 12/4/2016 từ vợ chồng chị Mạc Thị H2 và anh Nguyễn Kim T1 với giá chuyển nhượng là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Anh H đề nghị được nhận tài sản bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng đất và sở hữu ngôi nhà trên đất. Anh đồng ý thanh toán phần giá trị tài sản tương ứng cho chị L.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/6/2024, anh Ngô Xuân H yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung như sau:

+ Nhà xưởng tại chợ D2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là xã K, thành phố Hải Phòng): Anh H trình bày, năm 2018 vợ chồng anh cùng chị Vũ Thị B cùng mua chung một nhà xưởng có diện tích 380 m². Nhà xưởng được chia làm 03 lô, trong đó đã bán 01 lô. Hiện nay còn lại 02 lô, có diện tích khoảng 200 m², theo anh H xác định giá 02 lô khoảng 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Về quan điểm chia tài sản, anh H đề nghị chia theo giá thị trường vào thời điểm xét xử là 1.600.000.000 đồng, trong đó chị B được chia $\frac{1}{2}$, vợ chồng anh được chia $\frac{1}{2}$. Như vậy, anh H yêu cầu được nhận 400.000.000 đồng. Trong cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa luật sư H1 với chị L ngày 13/7/2024, chị L đã trả lời luật sư H1 về nhà xưởng nêu trên là tài sản chung nên anh đã ghi âm và lập Vi bằng số 719/2024/VB-TPLHP tại Văn phòng T2 Phụng ngày 10/12/2024 và giao nộp tài liệu này cho Tòa án. Ngoài ra, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần tài sản này thuộc quyền sử dụng, sở hữu chung của vợ chồng anh.

+ Thửa đất tại thôn Đ, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng): Anh H trình bày, năm 2022 anh cùng chị Vũ Thị B và vợ chồng anh Vũ Duy C cùng góp tiền mua một thửa đất có diện tích hơn 200 m². Anh H cho rằng chị Vũ Thị L đã góp khoảng 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) để đầu tư vào thửa đất này. Quan điểm của anh là yêu cầu được nhận lại $\frac{1}{2}$ số tiền gốc đã bỏ ra đầu tư là 1.000.000.000 đồng. Anh H cung cấp cho Tòa án Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ có của Ngân hàng TMCP K có thể hiện ngày 19/5/2021 anh H rút số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) tại Ngân hàng. Anh trình bày đã đưa số tiền này cho chị L để thực hiện việc mua đất chung với anh C,

chị T. Ngoài ra, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh đây là tài sản thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh chị.

+ Xe ô tô Mitsubishi Attrage 5 chỗ, biển kiểm soát 15A-302.44: Anh H khai rằng chiếc xe được mua vào tháng 6/2020 từ anh Nguyễn Quốc P với giá 300.000.000 đồng. Đến tháng 9/2020, vợ chồng anh đã trả hết nợ cho anh P, tuy nhiên người trực tiếp thanh toán là chị Vũ Thị L, bản thân anh không trực tiếp trả cho anh P đồng nào. Anh H xác định hiện nay xe có giá trị khoảng 100.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đồng ý cùng thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp là 100.000.000 đồng và không yêu cầu Tòa án định giá. Về phương án chia, anh đề nghị được nhận xe để sử dụng và sẽ thanh toán cho chị L $\frac{1}{2}$ giá trị xe, tương đương 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh chiếc xe thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh chị.

+ Tại phiên tòa ngày 17/6/2025, sau khi chị Vũ Thị L rút yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (thửa số 148, tờ 01 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có diện tích 317,4 m² (trong đó diện tích đất ở 65m², đất trồng cây lâu năm 252,4 m²) tại địa chỉ Khu phố A, phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (nay là Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh), anh Ngô Xuân H có ý kiến như sau: Nguồn gốc thửa đất là tài sản của bố mẹ đẻ anh H là ông Ngô Bá N và bà Nguyễn Thị D. Sau khi bà Nguyễn Thị D chết, đến tháng 4 năm 2017, ông Ngô Bá N cùng các anh chị em trong gia đình đã thực hiện thủ tục tặng cho anh H thửa đất này. Đến tháng 7/2017, anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L lập Văn bản thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thành tài sản chung của vợ chồng và đã được UBND thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng. Hiện nay, bố đẻ anh là ông Ngô Bá N đang sinh sống một mình trên thửa đất nói trên. Từ khi vợ chồng anh H kết hôn đến nay, vợ chồng anh không sinh sống tại đây, cũng không có bất kỳ công sức đóng góp, tôn tạo hay sửa chữa nào đối với thửa đất và tài sản trên đất. Nay chị L rút yêu cầu chia tài sản chung này, anh không đồng ý và đã bổ sung yêu cầu khởi kiện là chia tài sản chung đối với thửa đất này. Đối với tài sản gắn liền với đất gồm có nhà ở và công trình phụ, do tài sản hiện nay đã cũ, xuống cấp, không còn nhiều giá trị, nên anh H không yêu cầu định giá tài sản, anh đề nghị nếu bên nào được giao quyền sử dụng đất thì sẽ được nhận sở hữu cả tài sản gắn liền với đất, không bên nào phải trả giá trị chênh lệch về tài sản trên đất cho bên kia. Nguyên vọng của anh H đề nghị được nhận tài sản bằng hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Anh đồng ý thanh toán phần giá trị tài sản tương ứng cho chị L.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn.

* Bị đơn chị Vũ Thị L trình bày tại các bản tự khai ngày 10/6/2024, ngày 12/7/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo và tha thứ cho anh H, vợ chồng sống hòa thuận cho đến năm 2022 thì lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, xảy ra cãi vã, không còn tôn trọng lẫn nhau. Những lúc vợ chồng cãi nhau thì anh H không quan tâm đến gia đình, không về nhà, vợ chồng ly thân nhau mấy tháng. Đỉnh điểm mâu thuẫn xảy ra vào đầu tháng 12 năm 2023, khi anh H thông báo về việc làm ăn chung với một người phụ nữ tên D1. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Sau đó, chị nghi ngờ anh H và chị D1 phát sinh quan hệ tình cảm. Từ ngày 01/3/2024 vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau, anh H cũng không quan tâm và cũng không có trách nhiệm gì với con chung. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, chị đồng ý ly hôn anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Ngô Mai P1, sinh ngày 15/9/2009 và Ngô Trí Đ, sinh ngày 13/10/2013. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Hiện nay chị làm giáo viên trường Tiểu học N1, thu nhập hàng tháng là 15 triệu. Chị có nhà cửa sinh sống ổn định, có đủ điều kiện về thời gian cũng như điều kiện vật chất để chăm sóc các con tốt hơn anh H. Ngoài ra, các con đều có nguyện vọng ở với chị do từ trước đến nay các con có tình cảm gần gũi, gần bó thân thiết với mẹ hơn với bố. Các cháu cũng đang học tập ổn định tại địa phương, do đó khi các cháu ở với chị sẽ đảm bảo môi trường sống và học tập ổn định, thuận lợi hơn cho việc phát triển của các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ thời điểm xét xử ngày 16/7/2025.

- Về tài sản chung:

+ Đối với tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên diện tích đất 200 m², tại thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, chị Vũ Thị L thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng từ vợ chồng anh Nguyễn Kim T1 và chị Mạc Thị H2 vào tháng 4/2016, với giá chuyển nhượng là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng). Tài sản trên hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quan điểm của chị về việc chia tài sản chung là: Đề nghị được nhận toàn bộ nhà đất bằng hiện vật, và thanh toán lại cho anh H ½ giá trị tài sản theo giá trị định giá tại thời điểm giải quyết. Bởi vì chị và các con đang sinh sống, làm việc và học tập ổn định tại địa phương, ngoài ngôi nhà này chị và các con không còn nơi ở nào khác.

+ Đối với tài sản chung là thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (thửa số 148, tờ 01 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có diện tích 317,4 m² (trong đó diện tích đất ở 65m², đất trồng cây lâu năm 252,4 m²) tại địa chỉ Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Thửa đất này được UBND thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 091313 ngày 31/08/2017, đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là ông Ngô Xuân H và bà Vũ Thị L. Trên thửa đất có nhà ở hiện do bố đẻ của anh Ngô Xuân H sinh sống và quản lý. Tòa án thụ lý giải quyết chia tài sản chung này theo yêu cầu của chị Vũ Thị L, tuy nhiên tại phiên tòa ngày 17/6/2025, chị Vũ Thị L đã rút yêu cầu chia tài sản chung này, nhưng anh H không đồng ý và đã bổ sung yêu cầu khởi kiện nên chị đồng ý chia tài sản chung này theo quy định pháp luật. Về phương án phân chia tài sản chung, chị L đề nghị chia tài sản bằng hiện vật, chị đồng ý chia anh H phần tài sản bằng hiện vật có diện tích đất ở, còn chị nhận phần tài sản có diện tích đất trồng cây lâu năm, anh H không phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị.

Đối với các tài sản còn lại mà anh Ngô Xuân H yêu cầu chia, chị Vũ Thị L xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, cụ thể:

+ Xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage 05 chỗ, biển kiểm soát 15A-302.44, đăng ký tên anh Nguyễn Quốc P: Vào năm 2020, vợ chồng chị có thỏa thuận mua chiếc xe ô tô nêu trên của anh Nguyễn Quốc P (là anh con bác của chị L) với giá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng chị chưa thanh toán được số tiền mua xe. Vì thương vợ chồng chị L không có phương tiện đi lại và nhà ở xa, anh P đã đồng ý cho mượn xe, hẹn khi nào vợ chồng chị thanh toán đủ số tiền thì anh P sẽ làm thủ tục sang tên xe. Từ năm 2020 đến nay, chị L là người sử dụng chiếc xe, tuy nhiên chưa thanh toán số tiền mua xe cho anh P. Đến tháng 7/2024, do chưa thanh toán được tiền, anh P đã đến lấy lại xe. Hiện nay, giấy đăng ký xe vẫn mang tên anh Nguyễn Quốc P. Do đó, chị L không đồng ý với yêu cầu chia tài sản này của anh H và khẳng định chiếc xe ô tô thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Quốc P. Chị thống nhất xác định giá trị hiện tại của xe ô tô là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nên chị đồng ý cùng thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp và không yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản đối với chiếc xe này.

+ Nhà xưởng diện tích 380 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng: Chị L khẳng định không có việc mua chung nhà xưởng với chị Vũ Thị B như anh H trình bày.

+ Thửa đất diện tích 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng: Chị L khẳng định không có việc mua chung thửa đất này với chị Vũ Thị B và vợ chồng anh Vũ Duy C như anh H trình bày.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Thống nhất với lời trình bày của bị đơn.

- Tại đơn trình bày của con chung là cháu Ngô Mai P1 và cháu Ngô Trí Đ đều thể hiện nội dung: Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ, vì lý do mẹ có sự quan tâm chăm sóc, gần gũi với các cháu hơn, và cháu Đ có nguyện vọng ở với mẹ để được ở cùng chị Mai P1, các cháu đang sinh sống, học tập quen tại xã K nên việc ở cùng mẹ sẽ đảm bảo ổn định môi trường sống, học tập. Các cháu trình bày không muốn ở với bố vì lý do bố không gần bó thân thiết, mỗi khi bố mẹ xảy ra cãi nhau thì bố bỏ đi mấy tháng không về nhà, không quan tâm đến việc học tập và sinh hoạt của các cháu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quốc P trình bày: Năm 2020, anh có thỏa thuận bán cho chị Vũ Thị L (em con dì của anh) 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, 05 chỗ, biển kiểm soát 15A-30244 với giá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tuy nhiên, chị L chưa thanh toán số tiền này. Do quan hệ họ hàng và hoàn cảnh vợ chồng chị L không có phương tiện đi lại, anh đã cho vợ chồng chị L mượn xe, hẹn khi nào thanh toán đủ tiền sẽ làm thủ tục sang tên. Từ năm 2020 đến tháng 7/2024, vợ chồng chị L sử dụng xe nhưng chưa thanh toán tiền, nên anh đã lấy lại xe. Anh xác định chiếc xe vẫn thuộc quyền sở hữu của anh, không phải tài sản chung của vợ chồng anh H, chị L nên không đồng ý với yêu cầu chia tài sản này. Anh thống nhất xác định giá trị hiện tại của xe ô tô là 100.000.000 đồng nên anh đồng ý cùng thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp và không yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản đối với chiếc xe này. Ngoài ra, vợ anh là chị Mai Thị Thanh H3 đã có bản tự khai nộp cho tòa án trình bày chiếc xe là tài sản riêng của anh, không liên quan đến chị.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Bá N trình bày: Ông là bố đẻ của anh Ngô Xuân H; vợ ông là bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1941, chết ngày 17/8/2000). Về nguồn gốc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50, diện tích 317,4 m² (tương ứng là một phần của thửa đất số 148, tờ bản đồ số 01), ông trình bày như sau: Thửa đất số 148 có diện tích 960 m² do vợ chồng ông tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, năm 1991 đã được Ủy ban nhân dân huyện Y (sau đó là thị xã Q) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị D. Sau khi bà D chết, ngày 03/4/2017 gia đình gồm ông và 08 người con đã tổ chức họp và lập văn bản phân chia di sản thừa kế, theo đó thửa đất số 148 được phân chia cho 03 người con trai là: Ngô Đăng S, Ngô Đăng L2 và Ngô Xuân H. Trong đó, anh Ngô Xuân H được thừa kế phần diện tích 317,4 m² (gồm 65 m² đất ở, 252,4 m² đất trồng cây lâu năm) và tài sản trên đất là 01 nhà ở cấp 4 diện tích xây dựng 55 m² (01 tầng). Ngày 26/4/2017, Ủy ban nhân dân thị xã Q đã cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 371933 đối với phần đất nêu trên cho người sử dụng đất là anh Ngô Xuân H.

Đến ngày 24/7/2017, anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L có lập Văn bản thỏa thuận về việc hợp nhất quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành tài sản chung của vợ chồng, và đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động để bổ sung tên chị Vũ Thị L vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 31/8/2017, Ủy ban nhân dân thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 091313 đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (một phần của thửa số 148, tờ bản đồ số 01), diện tích 317,4 m² (65 m² đất ở, 252,4 m² đất trồng cây lâu năm), cho chủ sử dụng đất là anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L.

Kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, vợ chồng anh H và chị L không có công sức đóng góp trong việc xây dựng hoặc tôn tạo tài sản trên đất. Hiện tại chỉ có mình ông là người đang sinh sống, quản lý nhà đất này. Ông Ngô Bá N đề nghị Tòa án khi giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L cần xem xét đến nguồn gốc hình thành thửa đất này.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Đăng L2, Ngô Đăng S thống nhất trình bày: Bố mẹ anh là ông Ngô Bá N và bà Nguyễn Thị D có khối tài sản là 960 m² (trong đó đất ở là 200 m², đất trồng cây lâu năm 760 m²) tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 01 (thửa mới 69, tờ bản đồ mới 50); địa chỉ Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi bà Nguyễn Thị D chết, ngày 03/4/2017, gia đình đã tổ chức họp và lập Văn bản phân chia di sản thừa kế, phân chia thửa đất số 148 thành ba phần cho ba người con trai: Ngô Đăng S, Ngô Đăng L2 và Ngô Xuân H.

Tòa án thông báo cho các anh về nội dung anh Ngô Xuân H yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất mà anh H được thừa kế trên. Do trên đất có tài sản là một phần căn nhà chính đã xây lấn sang thửa đất của anh L2, một phần gian nhà bếp đã xây lấn sang thửa đất của anh S nên Tòa án đã bổ sung anh L2, anh S vào tham gia tố tụng, các anh trình bày quan điểm: ngôi nhà này được bố mẹ xây dựng trước khi gia đình làm thủ tục phân chia thừa kế, tách thửa đất làm 3 phần cho anh em; hiện nay ngôi nhà đã cũ hỏng và không còn nhiều giá trị sử dụng; các anh và vợ chồng anh H không xảy ra tranh chấp gì về tài sản trên đất. Vì vậy, anh S, anh L2 đều không có bất cứ yêu cầu hay thắc mắc gì đối với tòa án về tài sản có một phần đã xây dựng lên phần đất của các anh. Nay anh L2, anh S không yêu cầu vợ chồng anh H phá dỡ phần tài sản trên trong vụ án này.

- Người làm chứng chị Mạc Thị H2 và anh Nguyễn Kim T1 trình bày: Thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, diện tích 200 m² có nguồn gốc của bà Vũ Thị L3 (sinh năm 1950, trú tại Đ, xã K, thành phố Hải Phòng), là vợ liệt sĩ, không có con, được UBND xã N giao đất có thu tiền sử

dụng đất vào năm 1993. Bà L3 là chị gái ruột của ông Vũ Hữu L4. Sau khi bà L3 qua đời, ông L4 – là em trai duy nhất – là người thừa kế và quản lý sử dụng thửa đất này. Biết vợ chồng ông L4 và bà Vũ Thị X có nhu cầu chuyển nhượng đất, vợ chồng anh chị đã thỏa thuận và nhận chuyển nhượng thửa đất này từ ông bà L4 – Xim với giá 22.500.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng anh chị đã xây dựng ngôi nhà trên đất. Ban đầu khoảng năm 1999 xây một nhà lô một tầng với chi phí khoảng 30–40 triệu đồng. Khoảng 03 năm sau, tiếp tục xây chồng tầng 2, chi phí khoảng 40–50 triệu đồng. Sau đó, đến ngày 12/4/2016, vợ chồng anh chị chuyển nhượng lại toàn bộ nhà đất cho vợ chồng anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L với giá 900.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có lập văn bản. Hiện nay, giao dịch đã hoàn tất, hai bên đã giao nhận đủ tiền và bàn giao nhà đất, không phát sinh tranh chấp. Anh chị khẳng định hiện không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến nhà đất này.

- Người làm chứng chị Vũ Thị B trình bày: Năm 2018, không có việc chị B mua chung với vợ chồng chị Vũ Thị L nhà xưởng diện tích 380 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng như anh H trình bày. Năm 2022, cũng không có việc chị mua chung với vợ chồng chị Vũ Thị L và vợ chồng anh Vũ Duy C thửa đất diện tích hơn 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng như anh H trình bày. Chị B đề nghị Tòa án không triệu tập chị đến làm việc nữa vì chị không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

- Người làm chứng vợ chồng anh Vũ Duy C và chị Bùi Thị Thanh T thống nhất trình bày: Năm 2022, không có việc mua chung thửa đất này với anh H, chị L và chị B như anh H trình bày. Anh chị cũng cho rằng việc anh H không cung cấp thông tin cụ thể về số thửa đất, tờ bản đồ là không đủ căn cứ để xem xét. Đề nghị Tòa án không triệu tập vợ chồng anh chị đến làm việc nữa vì anh chị không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Trí Đ cho anh Ngô Xuân H, giao cháu Ngô Mai P1 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi; vì như vậy là phù hợp với giới tính, thời gian chăm sóc, điều kiện kinh tế của mỗi bên. Đối với 5 tài sản chung anh H có ý kiến như sau: (1) Đề nghị Tòa án giao cho anh Ngô Xuân H quyền quản lý, sử dụng diện tích 200 m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, anh Ngô Xuân H sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị Vũ Thị L phần giá trị tài sản bằng tiền; vì anh H chưa có chỗ ở nào khác, và anh H có đóng góp nhiều hơn trong việc hình thành tài sản chung, đồng thời để anh H có nhà ở ổn định nuôi

dưỡng cháu Đ. (2) Đề nghị Tòa án giao cho anh Ngô Xuân H quyền quản lý, sử dụng diện tích 317,4 m² đất (trong đó diện tích đất ở 65m², đất trồng cây lâu năm 252,4 m²) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (thửa số 148, tờ 01 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), địa chỉ: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh, anh Ngô Xuân H sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị Vũ Thị L phần giá trị tài sản bằng tiền; vì nguồn gốc hình thành thửa đất do anh H được chia thừa kế từ gia đình, hiện có bố đẻ là ông Ngô Bá N đang sinh sống. (3) Đề nghị Tòa án chia cho anh số tiền gốc đã bỏ ra đầu tư là 1.000.000.000 đồng đối với thửa đất có diện tích khoảng hơn 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; vì tại Vi bằng số 719/2024/VB-TPLHP lập tại Văn phòng T2 Phụng ngày 10/12/2024, trong cuộc nói chuyện điện thoại giữa chị L và luật sư H1 thì chị L đã trả lời luật sư về việc có tài sản chung này, ngoài ra tại Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ có của Ngân hàng TMCP K có thể hiện ngày 19/5/2021 anh H rút số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) tại Ngân hàng và anh đã đưa số tiền này cho chị L để thực hiện việc mua đất chung với anh C, chị T. (4) Đề nghị Tòa án chia cho anh số tiền 400.000.000 đồng đối với tài sản là nhà xưởng diện tích khoảng 200 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng; vì tại Vi bằng số 719/2024/VB-TPLHP lập tại Văn phòng T2 Phụng ngày 10/12/2024, trong cuộc nói chuyện điện thoại giữa chị L và luật sư H1 thì chị L đã trả lời luật sư về việc có tài sản chung này. (5) Đề nghị Tòa án giao cho anh được nhận xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu xám, biển kiểm soát 15A-302.44 và anh sẽ thanh toán cho chị L ½ giá trị xe, tương đương 50.000.000 đồng; vì chị L đã thống nhất xác định giá trị hiện tại của xe ô tô là 100.000.000 đồng và không yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản đối với chiếc xe này, nghĩa là chị L đã thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng. Anh Ngô Xuân H thống nhất với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và không trình bày gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đối đáp: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Trí Đ và cháu Ngô Mai P1 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng; vì phù hợp với nguyện vọng chính đáng của các con, môi trường sống và học tập ổn định tại địa phương, tình cảm gắn bó giữa chị L và các con, thời gian chăm sóc, điều kiện kinh tế của mỗi bên. Đối với 5 tài sản chung anh H yêu cầu giải quyết, chị L có ý kiến như sau: (1) Đề nghị Tòa án giao cho chị Vũ Thị L quyền quản lý, sử dụng diện tích 200 m² đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, chị Vũ Thị L sẽ có trách nhiệm thanh toán cho anh Ngô Xuân H phần giá trị tài sản bằng tiền; vì

để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, ngoài căn nhà này chị L không còn nơi ở nào khác để sinh sống, hiện nay chị và các con đang sinh sống ổn định tại nhà đất này. (2) Đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (thửa số 148, tờ 01 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích 317,4 m² đất (trong đó diện tích đất ở 65 m², đất trồng cây lâu năm 252,4 m²) địa chỉ: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh, đề nghị Tòa án giao cho anh Ngô Xuân H quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích đất ở, giao cho chị Vũ Thị L quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích đất trồng cây lâu năm vì thửa đất này có đủ điều kiện để tách làm 2 thửa. (3) Còn lại 3 tài sản là thửa đất có diện tích khoảng hơn 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng; nhà xưởng diện tích khoảng 200 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng, 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu xám, biển kiểm soát 15A-302.44, chị Vũ Thị L không thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, và anh H cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh. Chị Vũ Thị L thống nhất với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh P chưa chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông N, anh S, anh L2 vắng mặt nhưng đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt nhưng đã được triệu tập lần thứ hai; những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tuy nhiên họ đều đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 33; khoản 1 Điều 51; các điều 55; 59; 62; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Căn cứ Điều 213, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L.

+ Về con chung: Giao cháu Ngô Mai P1, sinh ngày 15/9/2009 và Ngô Trí Đ, sinh ngày 13/10/2013 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng); thời gian từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Giao cho chị Vũ Thị L quyền quản lý, sử dụng diện tích 200 m² đất tại thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Buộc chị Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho anh Ngô Xuân H số tiền là 1.020.714.500 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu bảy trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

Giao cho anh Ngô Xuân H quyền quản lý, sử dụng diện tích 317,4 m² đất (trong đó diện tích đất ở 65m², đất trồng cây lâu năm 252,4 m²) tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (thửa số 148, tờ 01 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), địa chỉ: Khu phố A, phường H, tỉnh Quảng Ninh, và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, ngày 31/08/2017 đã được UBND thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 091313, đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L. Buộc anh Ngô Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho chị Vũ Thị L số tiền là 51.160.000 đồng (năm mươi một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Xuân H về việc chia tài sản là 01 thửa đất có diện tích khoảng hơn 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Xuân H về việc chia tài sản chung là nhà xưởng diện tích khoảng 200 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Xuân H về việc chia tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu xám, biển kiểm soát 15A-302.44.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Ngô Xuân H xin ly hôn chị Vũ Thị L và yêu cầu giải quyết về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Chị L đang cư trú tại thôn Đ, xã K, huyện K; căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Bá N, anh Ngô Đăng L2, anh Ngô Đăng S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Quốc P vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần hai; người làm chứng là chị Vũ Thị B, anh Vũ Duy C và chị Bùi Thị Thanh T vắng mặt nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ, trước đó họ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L đã xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đáp ứng đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 18/11/2008. Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L là hợp pháp. Nói chung vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị L nghi ngờ anh H sống không chung thủy, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay anh chị đều xác định tình cảm không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H và chị L đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn, nên công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung:

[4.1] Anh chị có 02 con chung là Ngô Mai P1, sinh ngày 15/9/2009 và Ngô Trí Đ, sinh ngày 13/10/2013, hiện đang do chị L nuôi dưỡng. Nguyên vọng của chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Nguyên vọng của anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P1 đến khi cả 2 con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự thấy rằng, hiện tại chị Vũ Thị L làm giáo viên tại trường Tiểu học N1, có công việc ổn định với thu nhập khoảng 15 triệu đồng/tháng, hiện 3 mẹ con chị L đang sinh sống ổn định tại nhà đất ở thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng nên chị L có điều kiện chăm sóc con tốt. Các cháu đang học tập tại địa phương, có nguyện vọng sống với mẹ và có tình cảm gắn bó với mẹ hơn với bố. Anh Ngô Xuân H4 nghề lái tàu, thu nhập khoảng 15-20 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc không cố định, thường xuyên đi tàu và sinh sống trên tàu. Mặc dù cả hai anh chị đều có điều

kiện kinh tế để nuôi con nhưng trên cơ sở xem xét về nguyện vọng của cháu P1, cháu Đ đều muốn được ở với chị L. Đặc biệt, cháu Đ đã 2 lần viết đơn đề nghị gửi Tòa án để trình bày nguyện vọng được ở cùng mẹ và chị gái. Như vậy, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con; căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; cần giao cháu P1 và cháu Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp để đảm bảo môi trường sống ổn định, thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của các con.

[4.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị L yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên anh H không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy anh Ngô Xuân H có thu nhập trung bình khoảng 15-20 triệu đồng/tháng từ nghề lái tàu, có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Vũ Thị L yêu cầu anh H cấp dưỡng cho mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng, mức yêu cầu này là phù hợp với thu nhập thực tế của anh H và đáp ứng một phần chi phí sinh hoạt, học tập, chăm sóc của các cháu. Theo quy định tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Do đó cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp, thời gian từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Xét tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 200m² và căn nhà 2 tầng xây dựng trên đất tại thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng, cùng tài liệu xác minh tại UBND xã K, Hội đồng xét xử xác định: Thửa đất và căn nhà là tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L, được vợ chồng ông Nguyễn Kim T1 và bà Mạc Thị H2 chuyển nhượng cho ngày 12/4/2016, với giá 900.000.000 đồng. Các bên đã thực hiện đầy đủ việc giao nhận tiền và tài sản, không phát sinh tranh chấp. Hiện thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà đất không có tranh chấp với các hộ giáp ranh, phù hợp quy hoạch địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định: Quyền sử dụng diện tích đất 200m² tại thửa đất nêu trên cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất chính là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng anh H, chị L.

[5.1] Tại phiên tòa, anh H và chị L đều đề nghị được nhận toàn bộ nhà đất và thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất cho bên kia. Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất có diện tích 200 m², mặt tiền phía Đông Nam giáp đường 403 dài 5m, ba phía còn lại đều tiếp giáp với các bất động sản liền kề, không có lối đi riêng. Trên đất có ngôi nhà xây dựng kiên cố với diện tích xây dựng 109,2 m², chiếm phần lớn diện tích

thửa đất. Do vậy, căn cứ Quyết định 31/2024/QĐ-UBND ngày 26/10/2024 của U thì thửa đất này không đủ điều kiện để tách thửa. Hiện nay chị L là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất; các con chung của vợ chồng cũng đang sinh sống, học tập ổn định tại địa phương. Do tài sản không đủ điều kiện để chia đôi bằng hiện vật nên việc giao toàn bộ tài sản cho chị L quản lý, sử dụng, sở hữu là phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần bảo đảm ổn định cuộc sống cho các con chung. Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá đã kết luận: Đất ở $200 \text{ m}^2 \times 3.200.000 \text{ đồng/m}^2 \times 2,8$ (hệ số điều chỉnh) = 1.792.000.000 đồng; Giá trị tài sản gắn liền với đất là 249.429.000 đồng; Tổng giá trị tài sản (nhà và đất) được xác định là 2.041.429.000 đồng. Do đây là tài sản chung của hai vợ chồng, anh H có quyền hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, tương đương 1.020.714.500 đồng, chị L có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho anh H là phù hợp với quy định tại các điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Xét tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 317,4 m² tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất (Ngày 31/8/2017, UBND thị xã Q đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 091313 mang tên anh Ngô Xuân H và Vũ Thị L). Chị Vũ Thị L đã tự nguyện rút yêu cầu về việc chia tài sản chung này, tuy nhiên, anh Ngô Xuân H không đồng ý và đã bổ sung yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được xem xét giải quyết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và kết quả xác minh tại địa phương (theo Công văn số 1643/CNVPĐKĐĐ ngày 21/10/2024 của Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã Q và Công văn số 35/UBND ngày 12/02/2025 của UBND phường H), Hội đồng xét xử thấy: Thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50, diện tích 317,4 m² (gồm 65m² đất ở và 252,4m² đất trồng cây lâu năm) có nguồn gốc từ thửa đất số 148, tờ bản đồ số 01, diện tích 960 m², được UBND huyện Y (nay là phường H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 cho bà Nguyễn Thị D – là vợ ông Ngô Bá N, mẹ đẻ anh Ngô Xuân H. Diện tích cấp giấy chứng nhận gồm: 200 m² đất ở và 760 m² đất trồng cây lâu năm. Sau khi bà Nguyễn Thị D chết, ngày 03/4/2017, gia đình ông N tổ chức họp và lập Văn bản phân chia di sản thừa kế thành ba phần cho ba người con trai: Ngô Đăng S, Ngô Đăng L2 và Ngô Xuân H. Trong đó, anh Ngô Xuân H được hưởng phần diện tích 317,4 m², gồm: 65 m² đất ở, 252,4 m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất. Trên cơ sở văn bản phân chia thừa kế này, ngày 26/4/2017, UBND thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 371933 cho anh Ngô Xuân H. Đến ngày 24/7/2017, anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L lập Văn bản thỏa thuận hợp nhất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thành tài sản chung của vợ chồng, làm thủ tục đăng ký biến động tại Văn phòng đăng ký đất đai. Ngày 31/8/2017, UBND thị xã Q đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 091313 mang tên cả hai vợ chồng: Ngô Xuân H và Vũ Thị L đối với thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50, diện tích 317,4 m²

(đất ở: 65 m², đất trồng cây lâu năm: 252,4 m²). Việc hợp nhất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thành tài sản chung được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định: Quyền sử dụng diện tích đất 317,4 m² tại thửa đất nêu trên cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất chính là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng anh H, chị L.

[6.1] Tại phiên tòa, anh H đề nghị được nhận toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất, thanh toán phần giá trị quyền sử dụng đất cho bên kia; chị L đề nghị chia tài sản bằng hiện vật, chị đồng ý chia anh H phần tài sản bằng hiện vật có diện tích đất ở, còn chị nhận phần tài sản có diện tích đất trồng cây lâu năm, anh H không phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho chị. Các đương sự đều thống nhất không yêu cầu định giá tài sản gắn liền với đất, nếu bên nào được giao quyền sử dụng đất thì sẽ được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất có diện tích 317,4 m² trong đó: đất ở là 65 m², đất trồng cây lâu năm là 252,4 m². Do vậy, căn cứ Quyết định 44/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Q thì thửa đất này không đủ điều kiện để tách thửa. Thửa đất có nguồn gốc là di sản thừa kế của gia đình chia cho anh H trước khi được hợp nhất thành tài sản chung của vợ chồng. Hiện nay bố đẻ anh H là ông Ngô Bá N đang sinh sống trên thửa đất này, còn vợ chồng anh chị từ khi kết hôn đến nay không trực tiếp quản lý, sử dụng. Trong vụ án này, chị L đã được giao quản lý, sử dụng nhà đất tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, nên để đảm bảo ổn định, phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của các bên, cần giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50, diện tích 317,4 m² cho anh Ngô Xuân H quản lý, sử dụng, sở hữu. Tổng giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá là: Đất ở 65 m² × 600.000 đồng/m² × 2,3 (hệ số điều chỉnh) = 89.700.000 đồng. Đất trồng cây lâu năm 252,4 m² × 50.000 đồng/m² = 12.620.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được xác định là 102.320.000 đồng. Do đây là tài sản chung của vợ chồng, chị L có quyền hưởng ½ giá trị tài sản tương đương 51.160.000 đồng, anh H có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho chị L là phù hợp với quy định tại các điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6.2] Đối với phần tài sản trên đất: Có một phần căn nhà chính đã xây lán sang thửa đất của anh Ngô Đăng L2, một phần gian nhà bếp đã xây lán sang thửa đất của anh Ngô Đăng S. Hiện nay, anh S và anh L2 đều không có bất cứ yêu cầu hay thắc mắc gì đối với tòa án về tài sản trên; không yêu cầu vợ chồng anh H phá dỡ phần tài sản trên trong vụ án này. Nếu sau này các bên xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Đối với yêu cầu chia tài sản là nhà xưởng diện tích khoảng 200 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng: Anh Ngô Xuân H trình bày năm 2018, vợ

chồng anh cùng chị Vũ Thị B có góp tiền mua chung một nhà xưởng có diện tích khoảng 380 m² tại chợ D2, đã bán đi 01 lô, hiện còn lại 02 lô diện tích khoảng 200 m². Ban đầu anh yêu cầu chia đôi tài sản này với tổng trị giá khoảng 1.150.000.000 đồng, sau đó thay đổi yêu cầu: xác định giá trị thực tế của 02 lô còn lại là 1.600.000.000 đồng và yêu cầu chia cho vợ chồng anh $\frac{1}{2}$ giá trị, tức là anh đề nghị được nhận số tiền là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh tài sản này là tài sản chung của vợ chồng anh. Chị L không thừa nhận có tài sản chung này, chị Vũ Thị B có văn bản xác nhận: Việc anh H khai có góp tiền mua nhà xưởng với chị là không đúng sự thật; chị không có bất kỳ thỏa thuận hay giao dịch mua bán, đầu tư chung với anh H và chị L liên quan đến nhà xưởng tại chợ D2. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã K), theo thông tin được cung cấp, dự án chợ D2 do Công ty TNHH T3 làm chủ đầu tư. Việc giao đất cho Công ty được thực hiện theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 03/01/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố U về việc cho thuê đất tại xã Đ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ. Tại buổi làm việc với Giám đốc Công ty T3 – là người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư – xác nhận: Công ty không có bất kỳ hợp đồng chuyển nhượng, cho thuê hay hợp tác nào với vợ chồng anh H, chị L liên quan đến nhà xưởng tại khu vực này. Do đó, không có căn cứ pháp lý và chứng cứ cụ thể để xác định phần diện tích nhà xưởng tại chợ D2 là tài sản chung của vợ chồng anh H và chị L. Như vậy, việc anh H yêu cầu chia tài sản và nhận giá trị 400.000.000 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận; anh H có quyền khởi kiện vụ án khác khi có tài liệu chứng cứ mới để chứng minh.

[8] Đối với yêu cầu chia tài sản là thửa đất có diện tích hơn 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng: Anh Ngô Xuân H trình bày là tài sản mua chung năm 2022 giữa chị Vũ Thị L, chị Vũ Thị B và vợ chồng anh Vũ Duy C, chị Bùi Thị Thanh T. Anh H cho rằng chị L đã góp 2.000.000.000 đồng vào việc mua thửa đất này và đề nghị được chia lại $\frac{1}{2}$ phần tiền đầu tư là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị L không thừa nhận có việc mua chung thửa đất trên với chị B và vợ chồng anh C. Người làm chứng là chị Vũ Thị B, vợ chồng anh C và chị T đều khẳng định không có việc mua chung thửa đất nào với vợ chồng anh H, chị L. Ngoài ra, anh H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh quyền sử dụng hoặc việc góp tiền đầu tư vào thửa đất này. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã K), tuy nhiên do đương sự không cung cấp được các thông tin cơ bản như sổ thửa đất, tờ bản đồ, vị trí giáp ranh, hiện trạng sử dụng đất, cũng như không có bất kỳ giấy tờ, văn bản nào thể hiện quyền sử dụng, nên địa phương không có cơ sở để xác minh hoặc cung cấp thông tin. Như vậy, không có cơ sở xác định thửa đất tại thôn Đ, xã K là tài sản chung của vợ chồng anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu

chia tài sản chung này của anh H; anh H có quyền khởi kiện vụ án khác khi có tài liệu chứng cứ mới để chứng minh.

[9] Đối với tài sản là một chiếc xe ô tô Mitsubishi Attrage 05 chỗ, biển kiểm soát 15A-30244: Tại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 043460 do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an thành phố H cấp ngày 11/01/2017 và Phiếu trả lời xác minh xe ngày 22/11/2024 của Công an huyện K xác định: xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI, màu xám, biển kiểm soát 15A-302.44, số máy 3A92UDL4272, số khung A13AHH002915 đứng tên chủ sở hữu là anh Nguyễn Quốc P. Các đương sự đều thống nhất giá trị hiện tại của xe ô tô là 100.000.000 đồng nên cùng thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp và không yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản đối với chiếc xe này. Theo lời trình bày của anh P, năm 2020 anh có thỏa thuận bán chiếc xe này cho chị Vũ Thị L với giá 300.000.000 đồng nhưng chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào. Do mối quan hệ họ hàng, anh P đồng ý để vợ chồng chị L mượn xe sử dụng, khi nào thanh toán đủ tiền thì mới làm thủ tục sang tên. Đến tháng 7/2024, do chưa được thanh toán, anh P đã lấy lại xe. Chị L cũng xác nhận chưa thanh toán tiền mua xe và thống nhất xe vẫn thuộc quyền sở hữu của anh P. Anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh vợ chồng đã hoàn tất việc mua bán hoặc có quyền sở hữu đối với chiếc xe nêu trên. Như vậy, xe ô tô vẫn đứng tên anh Nguyễn Quốc P, không có tài liệu chứng minh việc chuyển quyền sở hữu sang vợ chồng anh H, chị L. Do đó, không đủ căn cứ xác định đây là tài sản chung của vợ chồng anh H, chị L; anh H có quyền khởi kiện vụ án khác khi có tài liệu chứng cứ mới để chứng minh.

[10] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, anh H đã nộp tiền tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy là 6.900.000 đồng, chị L đã nộp tiền tạm ứng tại Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh là 13.300.000 đồng, đều đã chi phí hết. Chị L yêu cầu các đương sự cùng phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh H và chị L mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định, định giá tài sản là: $(6.900.000 \text{ đồng} + 13.300.000 \text{ đồng}) : 2 = 10.100.000 \text{ đồng}$. Như vậy, anh H phải thanh toán lại cho chị L số tiền chi phí tố tụng là: $10.100.000 \text{ đồng} - 6.900.000 \text{ đồng} = 3.200.000 \text{ đồng}$.

[11] Số tiền còn lại chị Vũ Thị L phải thanh toán cho anh Ngô Xuân H sau khi đối trừ tiền chênh lệch giá trị tài sản ở mục [5.1] mục [6.1] và số tiền sau khi đối trừ chi phí tố tụng ở mục [10] là: $1.020.714.500 \text{ đồng} - 51.160.000 \text{ đồng} - 3.200.000 \text{ đồng} = 966.354.500 \text{ đồng}$ (chín trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi tư nghìn năm trăm đồng).

[12] Về án phí:

[12.1] Về án phí ly hôn: Do anh H và chị L đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly

hôn. Tại phiên tòa, chị L đề nghị mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, như vậy anh H phải chịu 75.000 đồng, chị L phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn.

[12.2] Về án phí cấp dưỡng cho con: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo định kỳ.

[12.3] Về án phí chia tài sản: Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, cụ thể: Anh H được chia tài sản trị giá 51.160.000 đồng và được thanh toán từ chị L số tiền 1.020.714.500 đồng, tổng giá trị phần tài sản mà anh H được chia là 1.071.874.500 đồng. Chị L được chia tài sản trị giá 1.020.714.500 đồng và được thanh toán từ anh H số tiền 51.160.000 đồng, tổng giá trị phần tài sản mà chị L được chia là 1.071.874.500 đồng. Như vậy án phí mỗi người phải chịu là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng = 44.156.235 đồng.

[12.4] Về án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận: Tòa án xác định tài sản mà anh H yêu cầu chia gồm: xe ô tô Mitsubishi biển số 15A-302.44, nhà xưởng tại Chợ D2, xã K và thửa đất tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng không phải là tài sản chung của anh H, chị L. Do đó, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33; khoản 1 Điều 51; các điều 55; 59; 62; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 213, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 229; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ vào khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Mai P1, sinh ngày 15/9/2009 và Ngô Trí Đ, sinh ngày 13/10/2013 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng); thời gian từ ngày 16 tháng 7 năm 2025 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Ngô Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

3.1 Giao cho chị Vũ Thị L quyền quản lý, sử dụng diện tích 200 m² đất tại thửa đất số 1134.9, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng, và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất (gồm các mốc 1-2-3-4-5-6-1). Trong diện tích nêu trên, có phần diện tích 20,95 m² thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông đường 402 (gồm các mốc 3-4-5-6-3) (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Buộc chị Vũ Thị L có trách nhiệm thanh toán cho anh Ngô Xuân H số tiền chênh lệch giá trị tài sản và số tiền sau khi trừ chi phí tố tụng, tổng cộng là 966.354.500 đồng (chín trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật và chị Vũ Thị L đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên, chị Vũ Thị L có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3.2 Giao cho anh Ngô Xuân H quyền quản lý, sử dụng diện tích 317,4 m² đất (trong đó diện tích đất ở 65 m², đất trồng cây lâu năm 252,4 m²) tại thửa đất số 120, tờ bản đồ số 50 (thửa số 148, tờ 01 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), địa chỉ: Khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh, và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đã được UBND thị xã Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 091313 ngày 31/08/2017, đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là anh Ngô Xuân H và chị Vũ Thị L.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Ngô Xuân H có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động, đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Xuân H về việc chia tài sản là 01 thửa đất có diện tích khoảng hơn 200 m² tại thôn Đ, xã K, thành phố Hải Phòng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Xuân H về việc chia tài sản là nhà xưởng diện tích khoảng 200 m² tại chợ D2, xã K, thành phố Hải Phòng.

7. Không chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Xuân H về việc chia tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Attrage, màu xám, biển kiểm soát 15A-302.44.

8. Về án phí: Anh Ngô Xuân H phải chịu 44.831.235 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.000.000 đồng theo biên lai số 0007914 ngày 21 tháng 5 năm 2024 và 48.500.000 đồng theo biên lai số 0007946 ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy. Anh Ngô Xuân H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh Ngô Xuân H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 21.668.765 đồng (hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai số 0007946 ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy.

Chị Vũ Thị L phải chịu 44.231.235 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.500.000 đồng theo biên lai số 0007956 ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy. Chị Vũ Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 24.731.235 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi một nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Anh Ngô Xuân H, chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đới

Cao Văn Tân

Phạm Thị Nga

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Hà An, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Nga

